TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 29/11/2019
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:***
1/ Ông Triệu Khánh Long
2/ Bà Nguyễn Huỳnh Hoa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 247/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 9 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/11/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Ngô Thị Thanh T, sinh năm 1998 (có mặt)
Địa chỉ: ấp B, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- *Bị đơn*: Anh Huỳnh Phước H**,** sinh năm 1995 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/9/2019 cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh T trình bày: Vào năm 2017 chị T và anh Huỳnh Phước H có tổ chức lễ cưới và có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Vĩnh Châu và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 29/01/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chồng ở ấp A, xã H, thị xã Vĩnh Châu. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 01 con chung tên là Huỳnh Thanh T (Nữ), sinh ngày 02/11/2018. Do bất đồng quan điểm sống làm phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Từ tháng 08 năm 2018 chị T về nhà cha mẹ ruột để sống tại ấp B, xã H, thị xã Vĩnh Châu cho đến nay.

Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, hạnh phúc hôn nhân tan vỡ không thể hàn gắn được, do đó yêu cầu Tòa giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H. Về con chung chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thanh T đến

tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H, nhưng anh H không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị T, đồng thời anh H cũng không đến tham gia phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, tuy nhiên sự chấp hành pháp luật của bị đơn chưa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự , đề nghị Tòa án chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thanh T, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Hòa phải cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh H, nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt anh Hòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị T, nhận thấy chị T và anh H tự nguyện chung sống với nhau năm 2017, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 29/01/2018. Quan hệ hôn nhân của chị T và anh H không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống, đến tháng 08 năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn với nhau. Chị T nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh H nên có nguyện vọng ly hôn. Chị T và anh H đã không còn chung sống với nhau từ tháng 08 năm 2018 đến nay. Hội đồng xét xử đã phân tích động viên chị T suy nghĩ lại, hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh H, nhưng chị T vẫn cương quyết xin được ly hôn, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị T trình bày có 01 con chung tên Huỳnh Thanh T (Nữ), sinh ngày 02/11/2018, chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy từ ngày chị T và anh H không còn chung sống với nhau thì cháu T do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và để đảm bảo cuộc sống của cháu T không bị xáo trộn, ảnh hưởng đến tâm sinh lý khi cha mẹ ly hôn với nhau. Do đó yêu cầu của chị T là phù hợp với điều kiện chăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi

dưỡng con chưa thành niên và phù hợp với quy định của Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Huỳnh Thanh T (Nữ), sinh ngày 02/11/2018 cho chị Ngô Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Tại phiên Tòa, chị T không yêu cầu anh Hòa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, chị T hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên việc chị T không yêu cầu anh Hòa cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị T trình bày để tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Tuyền trình bày không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Án phí sơ thẩm: Chị Ngô Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Thị Thanh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thanh T được ly hôn với anh Huỳnh Phước H.

- Về con chung: Giao con chung cháu Huỳnh Thanh T (Nữ), sinh ngày 02/11/2018 cho chị Ngô Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Anh Huỳnh Phước H không phải cấp dưỡng nuôi con, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh H không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huỳnh Thanh T của chị Ngô Thị Thanh T thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Chị T trình bày để tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Ngô Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng, theo Biên lai số 0000561, ngày 17/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí. Anh Huỳnh Phước H không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND xã H, thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Chiêu Hùng